

Bản án số: 25/2025/HS-PT

Ngày 06-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Dương Hà Ngân, bà Nguyễn Thị Hải Âu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Hiếu - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 đối với Phạm Đức M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2024/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Bị cáo có kháng cáo: Phạm Đức M, sinh ngày 25-8-2005, tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn A, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1980 và bà Trần Thị N, sinh năm 1985; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12-12-2022, sau đó chuyển tạm giam đến ngày 29-3-2023 được thay thế bằng biên pháp Bảo lãnh cho đến nay; bị cáo tại ngoại - có mặt.

**/ Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức M:*

- Ông Y L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

- Ông Phạm Quang L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**/ Người bị hại:*

- Chị Ngô Thị Quý P, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Niêm E, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh T và Trần Hoài A là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Khoảng đầu tháng 11-2022, biết A quen biết với nhiều quản lý quán karaoke trên địa bàn thành phố G nên T rủ A tìm nữ giới làm nhân viên phục vụ thì A đồng ý. Cả hai thống nhất T là người quản lý, chỉ đạo công việc chung, A trực tiếp quản lý nhân viên nữ và liên hệ với quản lý quán karaoke, sau đó thông báo cho T để điều nhân viên đi phục vụ khách. Để thuận lợi cho công việc, T rủ Phạm Đức M, Đoàn Quang H và Trần Trọng H1 đến làm việc dưới sự quản lý của A; sau đó T tìm một số nhân viên nữ và thuê 04 phòng tại nhà nghỉ B thuộc tổ 1, phường N, thành phố G để T, A, M, H, H1 và các nhân viên nữ ở. Số tiền có được từ việc phục vụ khách, T và A chia cho nhân viên nữ 50%, còn lại cả hai sử dụng để trả tiền thuê trọ, ăn uống, trả công cho M, H, H1 và tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 02-12-2022, Vũ Dương Ngọc T1 (*là bạn của T*) dẫn chị Ngô Thị Quý P, Nguyễn Thị Niên E và Trương Ánh L đến nhà nghỉ B làm nhân viên cho T. Lúc này chị P nhờ T trả số tiền 7.500.000 đồng cho T1, là tiền chị P nợ T1 trước đó, khi nào đi làm có tiền chị P sẽ trả lại cho T nhưng T không có tiền đưa cho T1; sau đó cả ba được T xếp vào ở tại phòng 104. Tại đây, từ ngày 02-12-2022 đến ngày 07-12-2022, các chị P, E và L chỉ được đi lại, sinh hoạt trong khuôn viên nhà nghỉ, đi đâu, làm gì đều phải được sự đồng ý, giám sát của T và A. Đến ngày 07-12-2022, T và T1 đi về nhà tại Đắk Lắk.

Đến khoảng 01h00' ngày 08-12-2022, A nhận cuộc gọi từ quản lý quán Karaoke Rubic cần 02 nhân viên phục vụ khách hát nên A nói M và H chở chị P và chị E đến phòng 777 của quán để phục vụ khách. Quá trình làm việc, chị P và chị E không chịu phục vụ khách hát, bỏ ra ngoài đòi tính tiền và cãi nhau với quản lý nên quản lý đã gọi điện thông báo cho A biết. Khoảng 03h00' cùng ngày, A nói M đến chở chị P và E về nhà nghỉ B.

Tại đây, A hỏi chị P và chị E tại sao lại cãi nhau với quản lý thì hai chị nói muốn nghỉ làm nên A gọi điện qua ứng dụng Messenger thông báo cho T1 biết sự việc. Thời điểm này T1 đang ở nhà của T tại Đắk Lắk, nên T1 kể lại sự việc cho T nghe, vì bức tức chị P và chị E nên T1 nhắn tin cho A nói A đánh chị P giúp T1. Sau đó T gọi điện qua ứng dụng Messenger chỉ đạo A và H đánh chị P và chị E để dẫn mặt thì A và H đồng ý. Lúc này, H nói M và H1 chuẩn bị ống nhựa và đưa chị P và chị E vào phòng 104. M và H1 chuẩn bị 03 ống nước dài khoảng 80cm, loại phi 21 mang vào phòng, sau đó H, M, H1 cùng nhau dùng ống nhựa đánh liên tiếp nhiều phát vào người hai chị. Việc này được Võ Thanh M1 (*là người yêu của A*) dùng điện thoại di động quay video và gửi cho T xem. Do lo sợ H, H1, M đánh gây thương tích nặng cho hai chị nên A đi sang nói H, H1, M không đánh nữa. Sau khi xem video do M1 gửi, T biết A và H đã làm theo chỉ đạo của T về việc đánh dẫn mặt chị P và chị E nên T tiếp tục gọi điện, nhắn tin qua ứng dụng Zalo và Messenger chỉ đạo A và H thu điện thoại và nhốt chị P, chị E vào phòng riêng, khóa cửa ngoài không cho hai chị sử dụng điện thoại và đi ra khỏi phòng. Nghe T chỉ đạo thì A và H đưa chị P và chị E sang phòng 103, H1 lấy 02 điện thoại di

động hiệu Iphone 11 ProMax và Samsung J730G của hai chị đưa cho H cất giữ, sau đó H khóa cửa ngoài rồi cùng A, H1, M thay nhau canh gác.

Đến khoảng 15h00' ngày 08-12-2022, chị P và chị E được M dẫn ra ngoài hành lang của nhà nghỉ để nấu ăn và ăn uống dưới sự giám sát của M. Sau đó, hai chị tiếp tục bị nhốt vào phòng 103. Đến khoảng 17h00' cùng ngày, H1 trả điện thoại cho chị P và chị E, hai chị đã gọi điện thoại cho T xin nghỉ việc nhưng T không đồng ý nên chị P đã chụp lại hình ảnh bị đánh, nhắn tin gửi các hình ảnh này và vị trí bị nhóm của T giữ cho chị gái tên Ngô Thị Phúc V biết, đồng thời nói dối chị V các bị cáo yêu cầu phải chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho các bị cáo thì mới được thả về để chị V nhanh chóng đi trình báo Cơ quan Công an đến giải cứu. Đến sáng ngày 09-12-2022, H1 đón xe về nhà tại Đắc Lắc, còn A, H, M tiếp tục thay nhau canh gác phòng 103.

Sau khi nhận được tin nhắn cầu cứu của chị P, gia đình chị P đã trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa. Đến khoảng 22h00' ngày 09-12-2022, Công an thành phố Gia Nghĩa đã phối hợp với Công an phường N kiểm tra lưu trú tại Nhà nghỉ B và giải cứu được chị P và chị E. Cơ quan CSĐT đã tạm giữ A, H, M, T để lấy lời khai, các bị cáo đã thừa nhận và thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi giữ chị P và chị E trái pháp luật như trên; riêng Trần Trọng H1 bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 15/TgT, 16/TgT ngày 19-12-2022 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: Chị Ngô Thị Quý P bị 01 vết xước da vùng cổ, 05 vết đỏ, bầm tím vùng tay, lưng, hông, đùi phải. Chị Nguyễn Thị Niên E bị 01 vết xước da vùng đùi trái, 07 vết bầm tím vùng tay, mông, đùi trái, cẳng chân. Các vết xước da và bầm tím này trong Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y tế không quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Tỷ lệ % tổn thương cơ thể của chị P và chị E đều là 0%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2024/HS-ST ngày 26-12-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức M phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Đức M 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 30-12-2024, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Phạm Đức M thừa nhận Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xử phạt bị cáo về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa phúc thẩm trước đã chỉ ra các vấn đề cấp sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu điều tra lại, tuy nhiên cấp sơ thẩm

sau khi điều tra lại cũng chỉ căn cứ vào lời khai của người bị hại Ngô Thị Quý P khai lần này hoàn toàn khác với những lần khai trước đó và chữ viết, chữ ký của lần này cũng hoàn toàn không giống với những lần trước đó, do đó tài liệu này chưa bảo đảm tính khách quan; ngoài ra còn mâu thuẫn về số tiền 20.000.000 đồng giữa các bị hại và các bị cáo đã khai trước đó mà chưa được tiến hành đối chất để làm rõ. Để đảm bảo vụ án được giải quyết một cách khách quan, toàn diện tránh bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội. Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung. Do bản án bị hủy để điều tra lại nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Đức M.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức M, ông Y L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo, tuy nhiên hồ sơ cấp sơ thẩm điều tra bổ sung còn nhiều tình tiết cần làm rõ nên cũng hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị trả hồ sơ để điều tra lại theo quy định.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Đức M trong thời hạn luật định, nội dung bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ được các tình tiết cụ thể trong vụ án như sau: Bị hại Ngô Thị Quý P và Nguyễn Thị Niêm E khai trong lúc bị các đối tượng đánh thì chị P và E muốn nghỉ việc thì T yêu cầu phải đưa 20.000.000 đồng và chị gái của P là Ngô Thị Phúc V đã chuyển vào tài khoản của P 20.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm sau khi điều tra bổ sung tại Bản kết luận điều tra số 67/CQĐT-ĐTTH ngày 09/10/2024 và tại Bản Cáo trạng số 83/CT-VKS-GN ngày 07/11/2024 cho rằng lời khai của chị P đã làm rõ là không có dấu hiệu của tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tuy nhiên, lời khai sau khi điều tra bổ sung hoàn toàn khác với lời khai ban đầu. Tại các biên bản lấy lời khai và tự khai của Ngô Thị Quý P ở giai đoạn điều tra bổ sung (BL 761, 765) phần chữ viết và chữ ký xác nhận lại không giống với các biên bản lấy lời khai và tự khai của chị P ở giai đoạn điều tra ban đầu (BL 286; BL 288 đến BL 292). Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đã triệu tập các bị hại để làm rõ vấn đề này nhưng các bị hại vẫn vắng mặt không có lý do. Bên cạnh đó Biên bản ghi lời khai của bị hại Ngô Thị Quý P ngày 10/9/2024 không thể hiện được lập tại đâu (BL 165), tương tự Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Phúc V ngày 13/9/2024 chỉ thể hiện được ghi tại Đường Trần Thị Trọng, phường 15, quận Tân Bình (BL 767). Như vậy, chưa làm rõ hành vi của các bị cáo khác trong vụ án có phạm tội cưỡng đoạt tài sản hay không.

Tại Bản án phúc thẩm số 24/2024/HS-PT ngày 26/3/2024 của TAND tỉnh Đắk Nông hủy toàn bộ bản án hình sự số 61/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của TAND thành phố G để điều tra, xét xử lại cũng đã nêu rõ: Đồng thời chưa làm rõ được việc P có nợ T 7.500.000 đồng hay không, hay có dấu hiệu của tội mua bán người. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/3/2024 bị cáo M thừa nhận T1 giao ba nhân viên và xác nhận việc T trả nợ cho T1 7.500.000 đồng thay P (Si). Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung thì T1 khai P nhờ T trả cho T1 7.500.000 đồng để T1 và P hết nợ nhau, P nợ lại T số tiền này. Còn T thì khai được biết trước khi đến làm việc cho T thì P và E có nợ của T1 số tiền 7.500.000 đồng nhưng không rõ nợ tiền gì, khi nào. Khi T1 dẫn P và E đến làm việc cho T thì T1 có nói với T khi nào P đi làm có tiền thì báo lại T1 biết để liên hệ P lấy tiền nợ, P có nhờ T trả nợ của P cho T1 trước rồi P đi làm trả lại T sau nhưng do T không có tiền nên T không trả thay cho P. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất làm rõ số tiền 20.000.000 đồng mà các bị hại khai phải đưa cho T mới cho nghỉ việc và số tiền 7.500.000 đồng tiền mà P (Si) nợ của T1 giữa các bị cáo, bị hại và người làm chứng để xem xét trách nhiệm hình sự của Vũ Dương Ngọc T1 và Phạm Thanh T.

Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm còn nhiều vấn đề chưa làm rõ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại, tránh bỏ lọt tội phạm và để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện.

Do Bản án bị hủy để điều tra lại nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Đức M.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 85/2024/HS-ST ngày 26-12-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND Tp. Gia Nghĩa;
- VKSND Tp. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS Tp. Gia Nghĩa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- Các bị cáo; NTGTTK;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

